| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN K**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 78/2019/DS-ST
Ngày: 06/6/2019
"*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Pho.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Công Út.

2. Ông Trương Thanh Giảng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2018/TLST-DS, ngày 17 tháng 10 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2019/QĐXXST-DS, ngày 20 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn* : Ông **Trần Tuấn V** – sinh năm 1995, có mặt.

Địa chỉ: Khu phố K, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn*: Bà **Lê Thị Mỹ L** – sinh năm 1975, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 3, khu phố L, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**:

*Nguyên đơn ông Trần Tuấn V trình bày và yêu cầu như sau*:

Qua giới thiệu của người quen ông V mới biết bà Lê Thị Mỹ L và ông có đồng ý cho bà L vay tiền. Vay tổng cộng 03 lần: Lần thứ nhất ngày 14/3/2018, bà L vay số tiền 20.000.000 đồng. Lần thứ hai ngày 22/3/2018, do bà L nói cần tiền để lo cho con đi học nên có vay thêm số tiền 30.000.000 đồng. Lần thứ ba Ngày 30/3/2018, bà L vay thêm 30.000.000 đồng, vì bà L nói để lo cho gia đình và cần vốn buôn bán. Do là chỗ quen biết và tin tưởng nên ông cho bà L vay liên tiếp tuy nợ cũ chưa được trả.

Sau khi vay tiền đến nay, bà L không trả cho ông được khoản tiền nào và cũng không có việc ông cho vay trả góp. Thời gian cho vay trong các giấy vay tiền là do bà L tự ấn định và ông chỉ ghi vào theo ý kiến của bà L, vì trước khi cho vay ông có hỏi bà L muốn vay tiền trong thời gian bao lâu.

Theo đơn khởi kiện ông yêu cầu bà L phải trả cho ông số tiền nợ là 80.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi quá hạn theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, ông V xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể ông không yêu cầu tính lãi suất đối với số nợ, chỉ yêu cầu bà L phải trả nợ gốc với số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng).

*Theo biên bản lấy lời khai bị đơn bà Lê Thị Mỹ L trình bày*:

Bà thừa nhận có vay tiền của ông Trần Tuấn V 03 lần, cụ thể lần thứ nhất vay 30.000.000 đồng, lần thứ hai vay 30.000.000 đồng, lần thứ ba vay 20.000.000 đồng. Khi vay tiền bà có viết giấy hợp đồng vay, hình thức vay là trả góp mỗi ngày, khi góp hết hợp đồng này mới ký tiếp hợp đồng khác. Đối với 02 hợp đồng vay mỗi lần 30.000.000 đồng bà đã trả góp xong. Hiện tại chỉ còn hợp đồng vay số tiền 20.000.000 đồng và bà cũng đã trả góp được 18 ngày, mỗi ngày 600.000 đồng được tổng số tiền là 10.800.000 đồng, còn nợ lại số tiền 9.200.000 đồng.

Ông V yêu cầu bà trả số tiền 80.000.000 đồng thì bà không đồng ý, bà chỉ đồng ý trả số tiền nợ còn lại là 9.200.000 đồng.

Nay hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà không có khả năng trả nợ, bà đồng ý để Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Việc bà trả nợ cho ông V bà không có chứng cứ gì.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V, buộc bà L trả cho ông V số tiền nợ là 80.000.000 đồng. Bà L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn bà Lê Thị Mỹ L có nơi cư trú tại khu phố L, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K. Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Đối với bị đơn bà Lê Thị Mỹ L vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa như: Các hợp đồng vay tài sản giữa ông Trần Tuấn V và bà Lê Thị

Mỹ L với tổng số tiền vay 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng), lời trình bày của nguyên đơn và lời khai của bị đơn. Hội đồng xét xử xác định trong các lần vay nợ bà L đều có lập giấy đề nghị vay vốn kiêm khế ước nhận nợ với ông V, trong các hợp đồng các bên đều thỏa thuận thời hạn vay, lãi suất vay. Vì vậy đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi. Bà L cho rằng đã trả góp hàng ngày cho ông V được tổng số tiền 70.800.000 đồng, nay chỉ còn nợ lại ông V số tiền là 9.200.000 đồng và bà L chỉ đồng ý trả số tiền này. Ông V khẳng định từ khi vay đến nay bà L chưa trả nợ cho ông và cũng không có việc vay trả góp hàng ngày như bà L trình bày. Xét thấy lời khai của bà L là không có cơ sở, bởi lẽ bà L không có chứng cứ gì chứng minh mình đã trả góp hàng ngày cho ông V số tiền 70.800.000 đồng. Tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó", "4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*. Ông V có chứng cứ chứng minh bà L có vay tổng số tiền 80.000.000 đồng bằng 03 hợp đồng vay tài sản giữa ông và bà L, bà L cũng thừa nhận có vay số tiền này. Do bà Lê Thị Mỹ L vi phạm thời hạn trả nợ, nên ông V yêu cầu bà L phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc là 80.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Tuấn V buộc bà Lê Thị Mỹ L có nghĩa vụ trả cho ông V số tiền 80.000.000 đồng. Tại phiên tòa ông V rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu tính lãi nên miễn xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà L bị buộc trả nợ nên phải chịu 5% án phí sơ thẩm trên số tiền phải trả. Trả lại cho ông V số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 463, 465, 466, 470 của Bộ luật Dân sự;

- Các Điều 26, 35, 39, 91, 144, 145, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, L phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Tuấn V. Buộc bà Lê Thị Mỹ L phải trả cho ông V số tiền là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng). Ông Trần Tuấn V không yêu cầu tính lãi nên miễn xét.

Kể từ ngày ông V có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà L không thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì bà L còn phải chịu thêm một khoản lãi theo mức lãi suất

quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Buộc bà Lê Thị Mỹ L phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

- Ông Trần Tuấn V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo lai thu số 0007646 ngày 17/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Ông V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/6/2019). Bà L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận:***
- TAND tænh Kieân Giang;
- VKSND tænh Kieân Giang;
- VKSND huyeän K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Nhöõng ngöôøi TGTT;
- Löu taäp aùn, hoà sô;

**TM. HOÄI ÑOÀNG XEÙT XÖÛ SÔ THAÅM**
**THAÅM PHAÙN – CHUÛ TOAÏ PHIEÂN TOØA**

**Nguyễn Văn Pho**